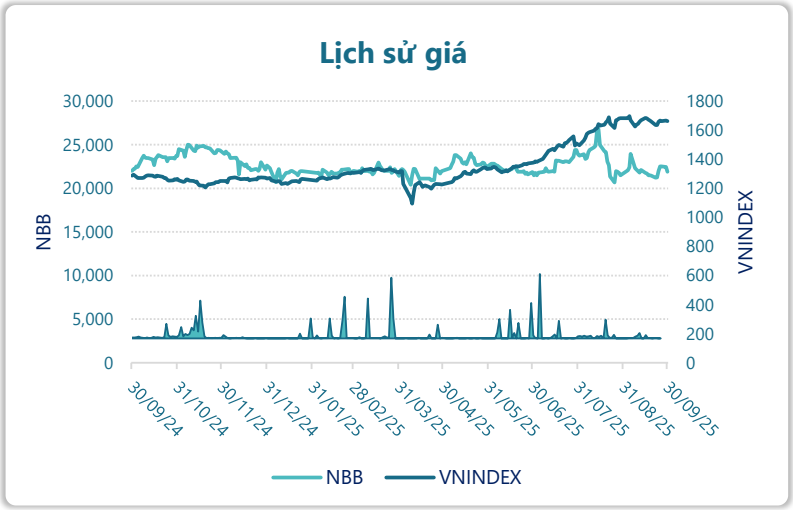
FireAnt

CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (HSX: NBB)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**21,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,400
SL cổ phiếu LH	100,159,795
KLGD BQ 20 phiên (CP)	302,380
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,193
P/E	1076.5
EPS	20

DT thuần

Q3/25

6.74

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.68| -28.4%

YoY: ▼4.76| -41.4%

LN sau thuế

Q3/25

0.70

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.65| 1299%

YoY: ▲ 0.51| 268%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

923%

+/- YoY: ▲ 350%

DT thuần

9T 2025

29.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼24.1| -44.8%

LN sau thuế

9T 2025

0.80

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.38| 90.5%

ROE

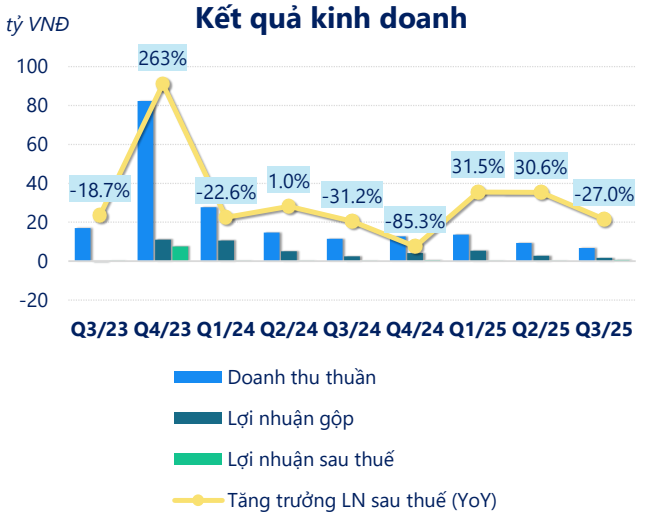
Q3/25

0.1%

+/- YoY: ▼ 0.4%

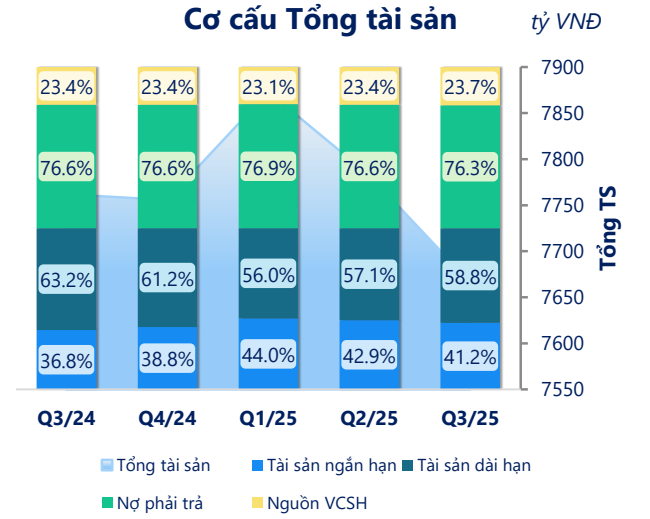
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



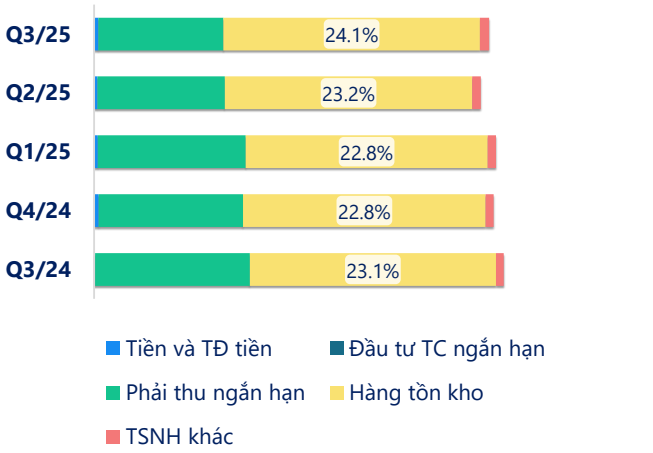
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



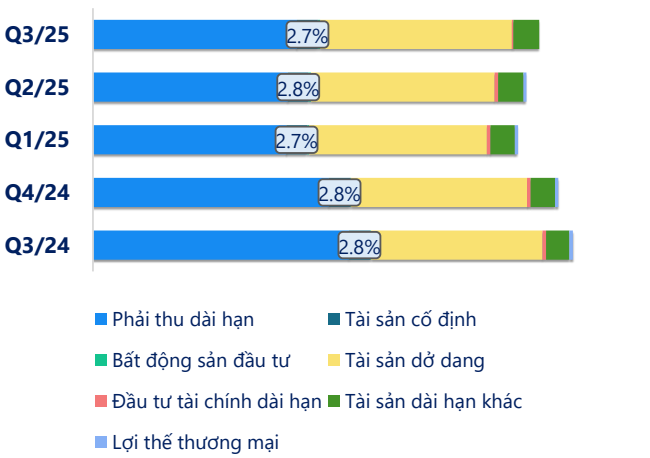
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



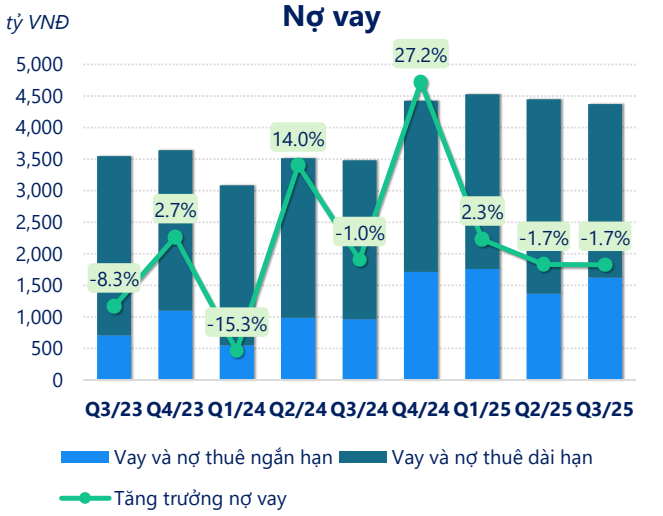
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



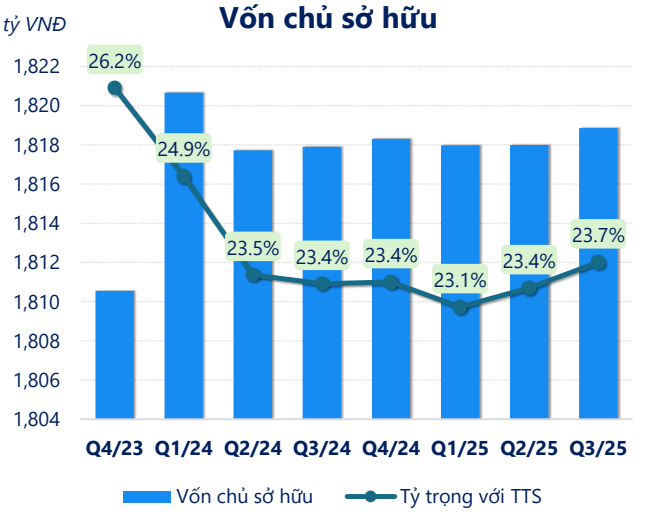
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



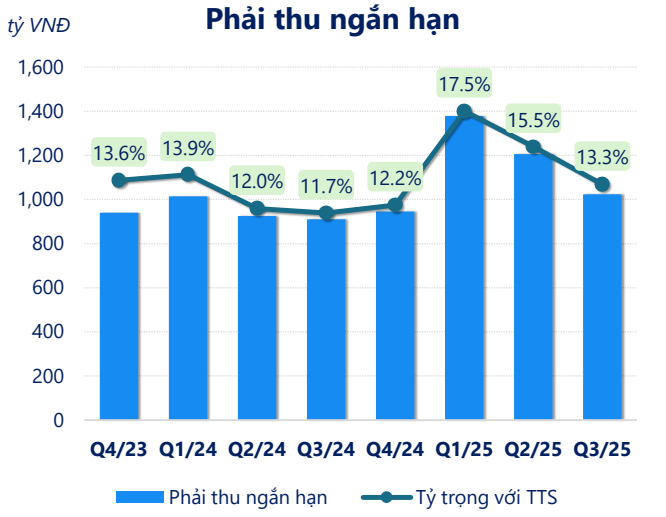
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



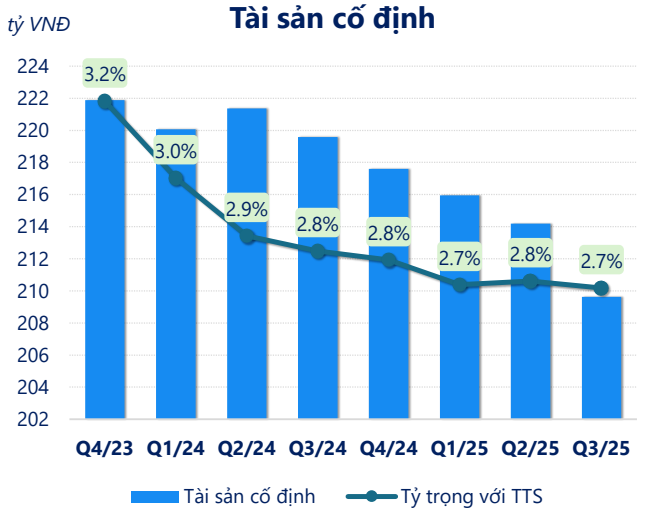
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



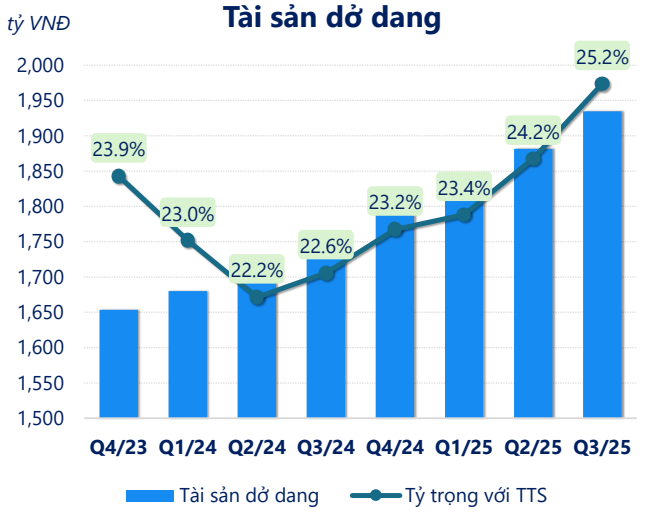
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



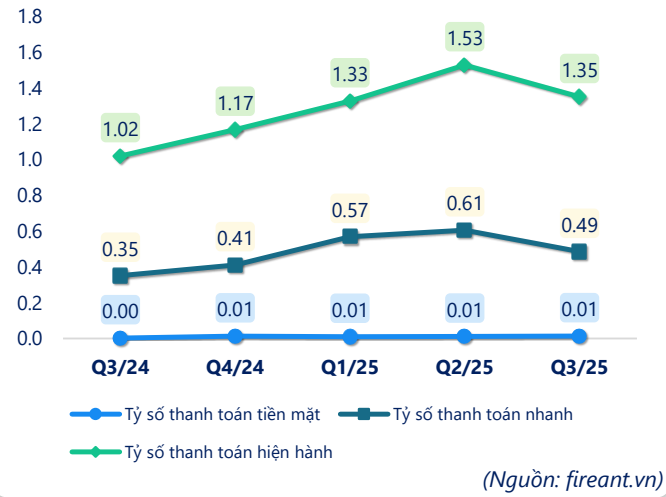
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



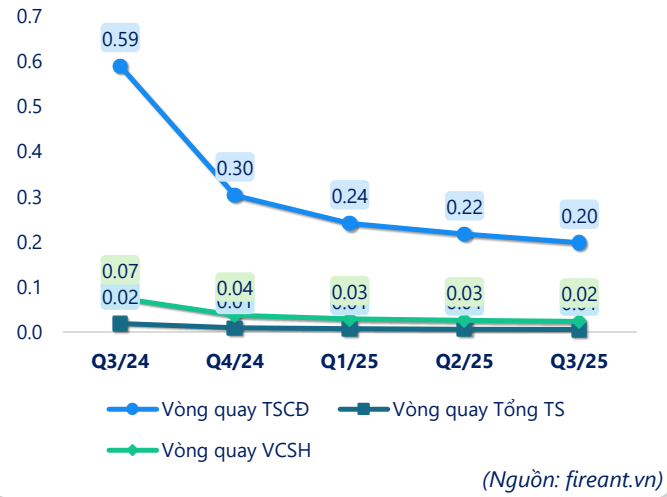
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**7,762**	**7,756**	**7,873**	**7,783**	**7,666**
Tài sản ngắn hạn	**2,858**	**3,006**	**3,467**	**3,341**	**3,162**
Tiền và tương đương tiền	6.76	33.1	27.3	25.3	32.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	9.00	9.00	9.00	0
Phải thu ngắn hạn	911	945	1,378	1,206	1,023
Hàng tồn kho	1,874	1,949	1,980	2,018	2,026
Tài sản ngắn hạn khác	67.2	70.4	72.5	83.8	80.7
Tài sản dài hạn	**4,904**	**4,750**	**4,406**	**4,441**	**4,504**
Phải thu dài hạn	2,613	2,409	2,002	1,996	2,060
Tài sản cố định	220	218	216	214	210
Bất động sản đầu tư	8.99	8.82	23.7	23.4	23.1
Tài sản dở dang	1,751	1,797	1,841	1,882	1,935
Đầu tư tài chính dài hạn	36.6	36.6	36.6	36.6	16.2
Tài sản dài hạn khác	240	247	254	258	261
Lợi thế thương mại	35.0	34.0	33.0	32.0	0
Nợ phải trả	**5,944**	**5,937**	**6,055**	**5,965**	**5,847**
Nợ ngắn hạn	**2,802**	**2,574**	**2,613**	**2,186**	**2,341**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	963	1,712	1,757	1,366	1,624
Phải trả người bán ngắn hạn	92.9	95.6	93.1	93.4	47.3
Nợ dài hạn	3,142	3,363	3,442	3,778	3,506
Vay và nợ thuê dài hạn	2,516	2,714	2,769	3,083	2,747
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,818**	**1,818**	**1,818**	**1,818**	**1,819**
Vốn chủ sở hữu	**1,818**	**1,818**	**1,818**	**1,818**	**1,819**
Vốn điều lệ	1,005	1,005	1,005	1,005	1,005
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)